

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 5 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Bà Nguyễn Thị Quý

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Ông Dương Xuân Chính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST – DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 2002 “có mặt”;

Cư trú: 112 /1/8 Đ, phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- **Bị đơn:** Ông Đào Như Ph, sinh năm 1994 “có đơn xin vắng mặt”;

Cư trú: thôn Thác Dài, xã V, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Đào Như Ph tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 56 ngày 23 tháng 8 năm 2022. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh Phúc. Nguyên nhân là do ông Ph có tính gia trưởng, áp đặt nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Ph.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng bà H có 01 người con chung là Đào Như Xuân Ph1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2022. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph1 cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Ph1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Đào Như Ph vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ và làm thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đào Như Ph.

Về con chung: Giao người con chung là Đào Như Xuân Ph1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2022 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph1 đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ph1 mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Ph1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đào Như Ph theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông Ph cư trú tại xã V, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Đào Như Ph đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhưng ông Ph vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Ph.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Ph tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 28 tháng 3 năm 2022. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2023, lời trình bày của bà H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng bà H và ông Ph không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Ph có tính gia trưởng, áp đặt và có hành vi đánh bà H trong thời gian bà H mang thai cháu Ph1. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông Ph đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông Ph.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa bà H và ông Ph có 01 người con chung là Đào Như Xuân Ph1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2022; khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ph1 cho đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu được nuôi con là quyền và nghĩa vụ của bà H và ông Ph đã được quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, đối với cháu Đào Như Xuân Ph1 hiện nay đang còn nhỏ (dưới 03 tuổi) và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao trực tiếp cho mẹ nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác*". Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Ph vắng mặt và giữa bà H và ông Ph không có thỏa thuận nào khác về việc nuôi con chung. Mặt khác, bà H là người có nơi cư trú ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con và cháu Ph1 hiện nay đang còn nhỏ cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu Ph1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung là cháu Ph1 cho bà H kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ph1 mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi cháu Ph1 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, phương thức cấp dưỡng hằng tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của cả cha và mẹ đối với con. Đối với mức yêu cầu số tiền cấp dưỡng nuôi con chung của bà H là phù hợp với mức chi phí trung bình cho nhu cầu thiết yếu của cháu Ph1. Do đó, việc bà H yêu cầu ông Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Ph1 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Ph1 đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính

từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Ph chậm cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Các vấn đề khác: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà H phải chịu; án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng ông Ph phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 69, 81, 82 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đào Như Ph.

2. Về nuôi con: Giao người con chung là cháu Đào Như Xuân Ph1, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2022 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Thời hạn giao con chung kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Đào Như Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đào Như Xuân Ph1 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Ph1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Kể từ từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006719 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Án phí dân sự không có giá ngạch: Ông Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công